TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN X
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 71/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 23/10/2018
"V/v Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN X - TỈNH LONG AN

- **Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có**:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Phượng
Các hội thẩm nhân dân:
1/ Ông Trần Văn Nhị
2/ Bà Lê Thị Vân

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thúy An – Thư ký Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Long An.

Ngày 23 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện X xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 198/2018/TLST-HNGĐ, ngày 14/8/2018 về việc "Tranh chấp ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 18/9/2018 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Bà **Bùi Thị Thúy K**, sinh năm 1977. Địa chỉ: ấp BP, xã BT, huyện X, tỉnh Long An.

Địa chỉ hiện nay: Tổ 3, ấp TX, xã THĐ, huyện CT, tỉnh TG.

2/ Bị đơn: Ông **Võ Văn Đ**, sinh năm 1974. Địa chỉ: ấp BP, xã BT, huyện X, tỉnh Long An.

(Bà Bùi Thị Thúy K có mặt, ông Võ Văn Đ vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng ngày 26/7/2018 và lời trình bày của nguyên đơn bà Bùi Thị Thúy K trong suốt quá trình giải quyết vụ án có nội dung như sau:*

Bà và ông Đ kết hôn năm 1999, có đăng ký kết hôn ngày 07/10/2005 tại Ủy ban nhân dân xã BT. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc. Sau phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Ông Đ không quan tâm đến gia đình, nhậu nhẹt, cờ bạc. Bà có khuyên nhủ nhiều lần nhưng ông Đ không thay đổi và ngày càng trầm trọng. Cuối năm 2010, ông Đ có hành vi bạo lực và đuổi bà về nhà cha mẹ ruột tại TG. Vợ chồng bà đã ly thân được 8 năm. Nay không thể hàn gắn được mối quan hệ hôn nhân này, nên bà kiên quyết xin ly hôn với ông Đ.

Về con chung: Có 02 con chung tên Võ Văn K, sinh ngày 13/11/1999 và Võ Văn T, sinh ngày 28/02/2008. Khi ly hôn, con chung Võ Văn K đã trưởng thành,

có gia đình riêng không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn Võ Văn T hiện nay đang sống chung với ông Đ.

Khi ly hôn, bà K yêu cầu được nuôi dưỡng Võ Văn T, không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con, nhưng nếu cháu T muốn ở với ông Đ thì bà cũng đồng ý nhưng không cấp dưỡng nuôi con. Bà không còn sống chung với ông Đ khi cháu Trọng còn nhỏ, nên khi bà gặp thì T không nhìn và không cho bà chạm vào người. Cháu T ở với ông Đ vẫn phát triển bình thường. Ông Đ rất thương đứa con này.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn ông Võ Văn Đ trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng vẫn văng mặt, không làm bản tự khai không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không cung cấp bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào và không có ý kiến phản hồi hay yêu cầu gì đối với việc khởi kiện của bà K, cũng như vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

Tòa án tiến hành thụ lý vụ án, hòa giải nhưng không được do bị đơn vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thủ tục tố tụng:

Bà Bùi Thị Thúy K nộp đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Võ Văn Đ. Ông Đ đang cư trú tại xã BT, huyện X, tỉnh Long An, nên Tòa án nhân dân huyện X thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28 và Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Võ Văn Đ là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để xét xử, nhưng vẫn không tham gia phiên tòa sơ thẩm là từ bỏ quyền lợi của mình, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Đ theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Nội dung:

Tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định: "Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh". Do đó, bị đơn không đến Tòa để trình bày ý kiến, không có phản đối gì đối với yêu cầu của bà K là từ bỏ quyền lợi của mình, nên Hội đồng xét xử xem xét giải quyết vụ án trên những chứng cứ phía nguyên đơn cung cấp có trong hồ sơ vụ án xác định như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà K và ông Đ kết hôn năm 1999, có đăng ký kết hôn ngày 07/10/2005 tại Ủy ban nhân dân xã BT. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống hôn nhân. Vợ chồng bà K đã ly thân từ năm 2010 đến nay, nên bà kiên quyết xin ly hôn với ông Đ.

Xét thấy, từ khi vụ án được thụ lý cho đến nay, ông Đ không có bất kỳ giải pháp nào để hàn gắn mối quan hệ hôn nhân với bà K và vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm dù được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2. Bà K kiên quyết xin ly hôn với ông Đ.

Hội đồng xét xử xác định mâu thuẫn giữa bà K, ông Đ là trầm trọng nên yêu cầu xin ly hôn của bà K phù hợp với quy định tại khoản 1, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên có cơ sở chấp nhận.

Về nuôi con chung: Vợ chồng bà K có có 02 con chung tên Võ Văn K, sinh ngày 13/11/1999 và Võ Văn T, sinh ngày 28/02/2008. Con chung Võ Văn K đã trưởng thành, đã có gia đình riêng nên Tòa án không giải quyết. Còn Võ Văn T hiện nay đang sống chung với ông Đ. Bà K đồng ý nhường quyền nuôi dưỡng, chăm sóc Võ Văn T cho ông Đ.

Xét thấy, bé T hiện nay đang được ông Đ nuôi dưỡng, vẫn phát triển bình thường và có nguyện vọng sống chung với ông Đ. Để đảm bảo ổn định cuộc sống, tránh việc thay đổi hoàn cảnh sống làm ảnh hưởng đến sự phát triển tâm lý trẻ, nên yêu cầu này của bà K là có căn cứ chấp nhận. Ông Đ được quyền trực tiếp nuôi dưỡng Võ Văn T.

Về phần cấp dưỡng nuôi con: Bà K cho rằng nếu bé T sống với bà thì bà nuôi không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con, nếu sống với ông Đ thì bà không cấp dưỡng nuôi con. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến nay, ông Đ không trình bày bất cứ ý kiến nào về vụ án này nên yêu cầu của bà K là có căn cứ chấp nhận.

Về nợ chung, tài sản chung: Cho đến khi xét xử sơ thẩm, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết trong vụ án này. Nếu sau này có tranh chấp, các đương sự có quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

Từ các phân tích trên, yêu cầu khởi kiện của bà K là có căn cứ chấp nhận toàn bộ.

[3] Về án phí: Căn cứ điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, bà K phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Ông Đ không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 147, 227, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị Thúy K đối với ông Võ Văn Đ.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị Thúy K được ly hôn với ông Võ Văn Đ.

2/ Về nuôi con chung: Giao Võ Văn T, sinh ngày 28/02/2008 cho ông Võ Văn Đ được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Bà Bùi Thị Thúy K không phải cấp dưỡng nuôi con do ông Võ Văn Đ không yêu cầu.

Mặc dù không trực tiếp nuôi dưỡng con chung, nhưng bà Bùi Thị Thúy K được quyền đến thăm, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản. Vì lợi ích của con, thì một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

3/ Về án phí: Bà Bùi Thị Thúy K phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Được khấu trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003727, ngày 17/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện X, tỉnh Long An. Bà Bùi Thị Thúy K không phải nộp thêm. Ông Võ Văn Đ không phải chịu án phí.

Án xử sơ thẩm, bà Bùi Thị Thúy K có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Võ Văn Đ có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Long An;*
- *Chi cục THA huyện X;*
- *VKSND huyện X;*
- *Các đương sự;*
-*UBND xã BT;*
-*Lưu HS*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Lê Thị Mỹ Phượng